ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIỂM ĐỊNH VIÊN KĐCLGD (K.30)

GIỚI THIỆU CÁC BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2020

Khái niệm về chương trình đào tạo

Luật Giáo dục (2005):

* *CTGD thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá KQ giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo.*

Luật Giáo dục đại học (2012):

* a) *CTĐT trình độ CĐ, ĐH gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá đối với mỗi môn học và ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác;*
* *b) CTĐT trình độ ThS, TS gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của HV, NCS sau khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức, kết cấu CTĐT trình độ ThS, TS, luận văn, luận án.*

QUAN ĐIỂM VỀ CHẤT LƯỢNG CTĐT

Là sự đáp ứng mục tiêu của CTĐT, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

CÁC BỘ TIÊU CHUẨN ĐGCL CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Văn bản	Số lượng tiêu chuẩn	Số lượng tiêu chí
ĐGCL CTĐT GV THPT trình độ ĐH *(TT 49/2012/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2012)*	7 TC	40 tiêu chí
ĐGCL CTGD SPKTCN trình độ ĐH (*TT 23/2011/TT-BGDĐT, ngày 6/6/2011*)	7 TC	40 tiêu chí (120 chỉ báo)
ĐGCL CTĐT Điều dưỡng trình độ ĐH, CĐ (*TT 33/2014/TT-BGDĐT, ngày 02/10/2014*)	8 TC	42 tiêu chí (126 chỉ báo)
ĐGCL CTĐT các trình độ của GDĐH (*TT 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016*)	11 TC	50 tiêu chí
ĐGCL CTĐT giáo viên trình độ CĐSP và TCSP (*TT 02/2020/TT-BGDĐT, 05/02/2020*)	10 TC	44 tiêu chí
ĐGCL CTĐT từ xa trình độ đại học (*TT 39/2020/TT-BGDĐT, ngày 9/10/2020*)	11 tiêu chuẩn	55 tiêu chí

CÁC BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chuẩn	Đánh giá CTĐT SPKT trình độ ĐH (2011), 40 TC	Đánh giá CTĐT GV THPT trình độ ĐH (2012), 40 TC	Đánh giá CTĐT Điều dưỡng trình độ ĐH, CĐ (2014), 42 TC	Đánh giá CTĐT các trình độ của GDĐH (2016), 50 TC	Đánh giá CTĐT GV trình độ ĐH, CĐ (2020), 44 TC	Đánh giá CTĐT từ xa trình độ ĐH (2020), 55 TC
1	Mục tiêu và CĐR (2)	Mục tiêu, cơ cấu TC, QLĐT và công tác ĐG HĐĐT (5)	Mục tiêu và CĐR (2)	Mục tiêu và CĐR (3)	Mục tiêu và CĐR (3)	Mục tiêu và CĐR (2)
2	Chương trình đào tạo (8)	Chương trình và các HĐĐT (8)	Chương trình đào tạo (6)	Bản mô tả CTĐT (3)	Bản mô tả CTĐT (3)	Bản mô tả, cấu trúc, nội dung CTĐT (3)
3	Hoạt động đào tạo (8)	Đội ngũ GV (8)	Hoạt động đào tạo (7)	Cấu trúc và nội dung CTDH (3)	Cấu trúc và nội dung CTDH (3)	Hoạt động dạy học (4)
4	Đội ngũ CBQL, GV và NV (9)	NH và công tác hỗ trợ NH (6)	Đội ngũ CBQL, GV và NV tham gia CT (10)	PP tiếp cận trong dạy và học (3)	PP tiếp cận trong dạy và học (3)	Hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của NH (7)
5	Người học (6)	Học liệu, thiết bị dạy học và CSVC khác (6)	NH và công tác hỗ trợ NH (5)	Đánh giá KQHT của NH (5)	Tuyển sinh và hỗ trợ NH (7)	Đội ngũ GV, NCV, trợ giảng (7)
6	CSVC phục vụ CT (4)	Công tác tài chính (4)	CSVC phục vụ CT (5)	Đội ngũ GV, NCV (7)	Đánh giá KQHT của NH (5)	Đội ngũ NV (5)
7	Công tác tài chính phục vụ CT (3)	Công tác đánh giá SVTN và hoạt động tư vấn VL (3)	Công tác tài chính phục vụ CT (4)	Đội ngũ NV (5)	Đội ngũ CBQL, GV, giáo viên và NV (6)	NH và hoạt động hỗ trợ NH (6)
8			Công tác ĐG người TN và hoạt động tư vấn VL (3)	NH và hoạt động hỗ trợ NH (5)	CSVC và trang thiết bị (4)	Cơ sở hạ tầng CN, trang thiết bị và học liệu (8)
9				CSVC và trang thiết bị (5)	Bảo đảm và nâng cao chất lượng (7)	Quản lý CTĐT (5)
10				Nâng cao chất lượng (6)	Kết quả đầu ra (3)	Bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT (5)
11				Kết quả đầu ra (5)		Kết quả đầu ra (3)

GIỚI THIỆU BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

(Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016)

MÔ HÌNH GIÁO DỤC THEO CHUẨN ĐẦU RA

(*Outcomes-based Education*)

Giáo dục 4.0: Giáo dục tương lai

* Là sự đáp ứng đối với **Cách mạng công nghiệp 4.0** là do công nghệ đột phá.
* Là giáo dục người học có **kỹ năng và khả năng đáp ứng những thay đổi.**
* Người học cần phải có **khả năng sáng tạo và có năng lực học tập suốt đời.**
* Thách thức đối với người học là tìm kiếm kết quả chuẩn đầu ra có liên quan đến việc quản lý học tập của GV.

NANTANA GAJASENI, OCT 2018

Giáo dục 4.0

Đặc điểm	Trước 1980 Giáo dục 1.0	1980s Giáo dục 2.0	1990s Giáo dục 3.0	2000s Giáo dục 4.0
Trọng tâm	Giáo dục	Tuyển dụng	Tạo tri thức	Đổi mới và tạo giá trị
Chương trình dạy học (curr.)	Đơn ngành	Liên ngành	Đa ngành	Xuyên ngành
Công nghệ	Bút chì & giấy	Máy tính cá nhân & laptop	Internet & Di động	IoT và AI
Trình độ Kỹ thuật số	Digital Refugees	Digital Immigrants	Digital Natives	Digital Citizens
Giảng dạy	Một chiều	Hai chiều	Đa chiều	Mọi nơi
Trường học	Gạch và vữa	Gạch và Nhắp chuột	Mạng lưới	Hệ sinh thái
Đầu ra	Những người lao động lành nghề	Những người lao động có tri thức	Những người đồng kiến tạo kiến thức	Doanh nhân, những nhà khởi nghiệp và sáng tạo đổi mới

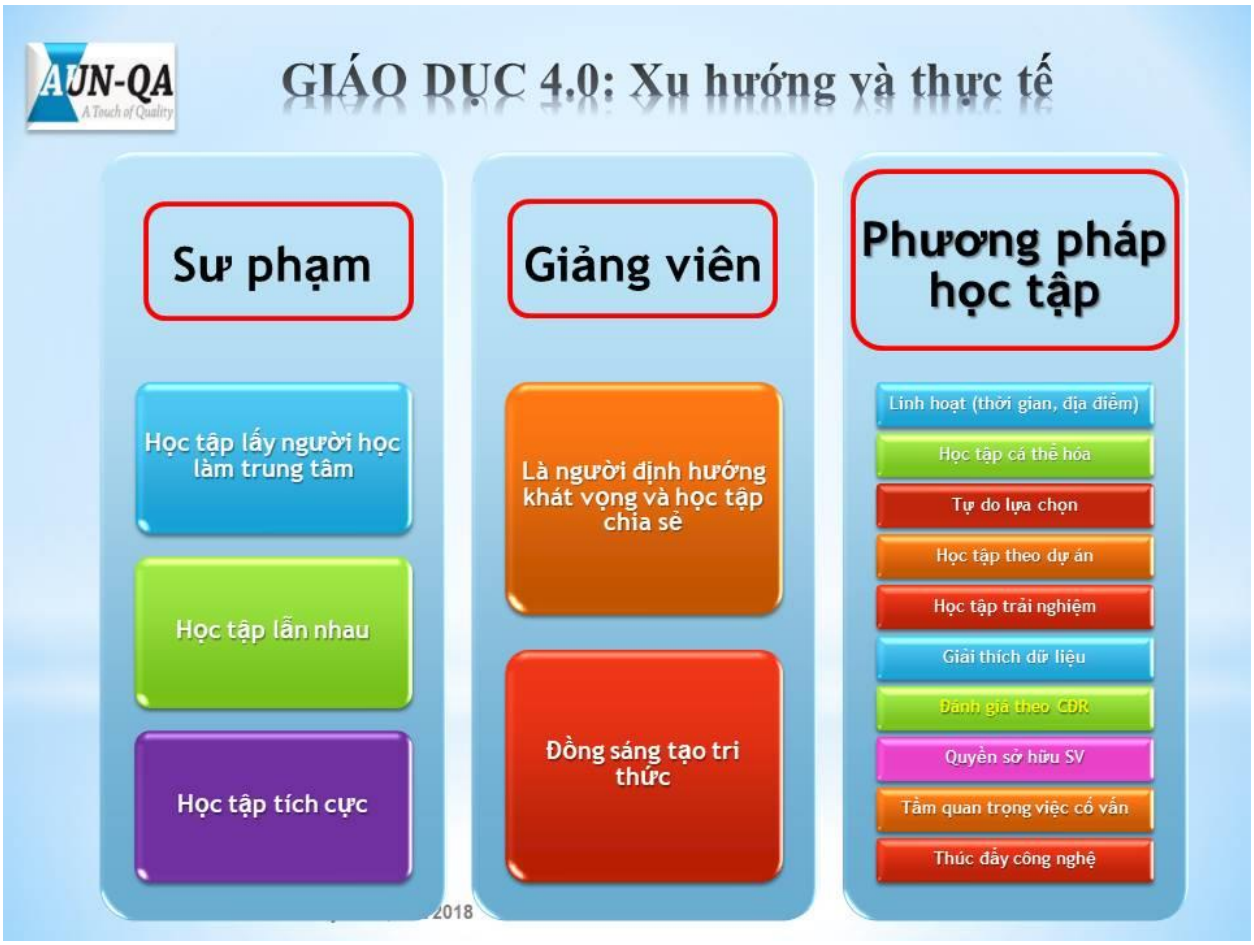
AUN-QA
A Touch of Quality
GIÁO DỤC 4.0: Xu hướng và thực tế
Sư phạm
Học tập lấy người học làm trung tâm
Học tập lẫn nhau
Học tập tích cực
Giảng viên
Là người định hướng khát vọng và học tập chia sẻ
Đồng sáng tạo tri thức
Phương pháp học tập
Linh hoạt (thời gian, địa điểm)
Học tập cá thể hóa
Tự do lựa chọn
Học tập theo dự án
Học tập trải nghiệm
Giải thích dữ liệu
Đánh giá theo CĐR
Quyền sở hữu SV
Tầm quan trọng việc cố vấn
Thúc đẩy công nghệ
2018

XU HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH TOÀN CẦU

UNESCO: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SAU 2015

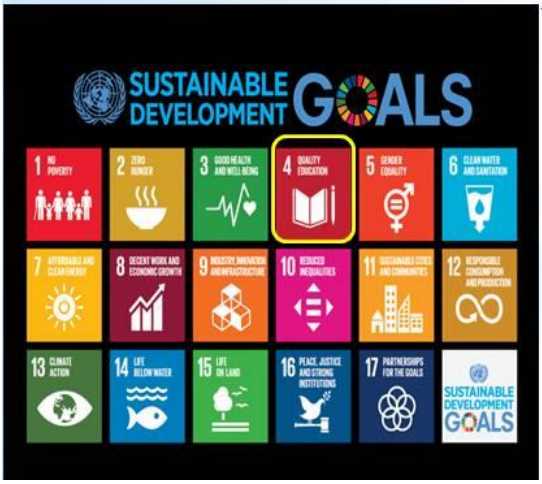

XU HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH ASEAN

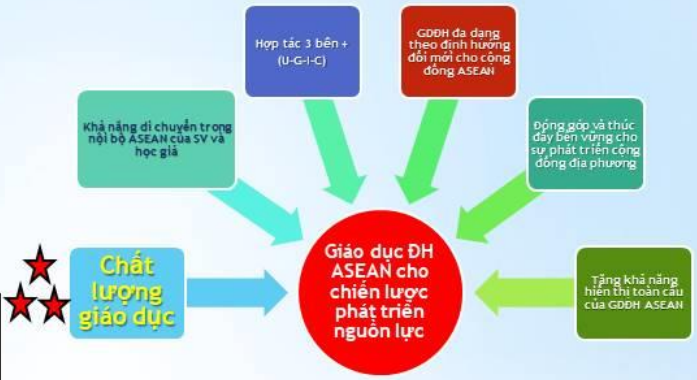

* Kuala Lumpur Declaration on Higher Education (2015)

AUN-QA A Touch of Quality

TẠI SAO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẦN BẮT KỊP VỚI NHỮNG THAY ĐỔI?

Trường đại học được coi là hệ thống xã hội mang tính thích ứng, nơi mọi người hợp tác để đạt được mục đích chung.

Giáo dục 4.0: Sự thay đổi của giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (*Outcomes-Based Education*)

Thái độ, kỹ năng và kiến thức mới	Chương trình dạy học mới	Nghiên cứu và hợp tác mới	Cách giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá mớii

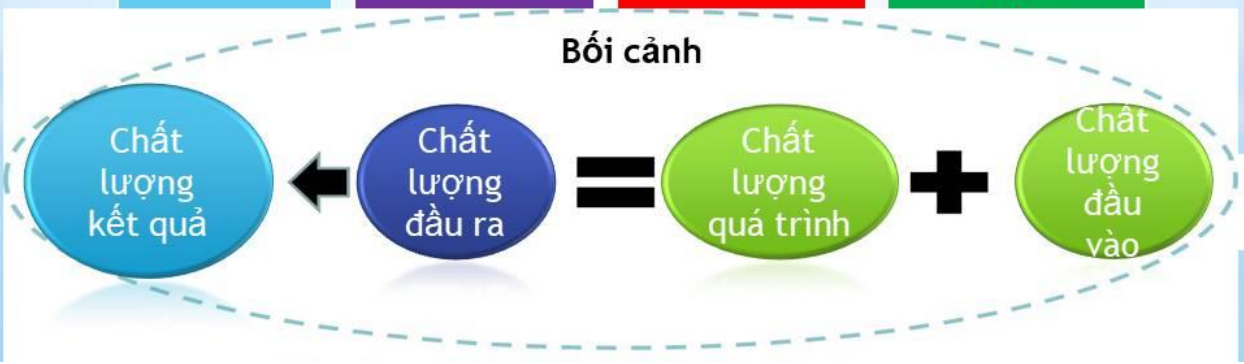

Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra

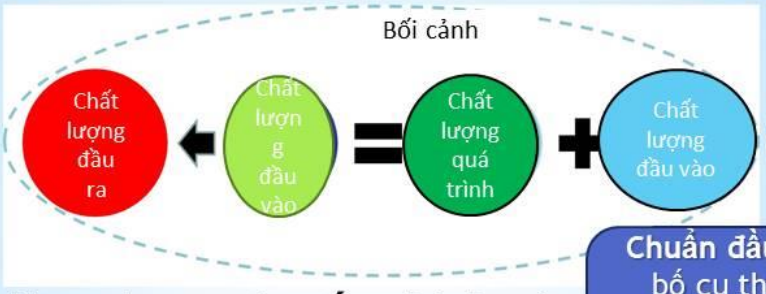

Chuẩn đầu ra: A tuyên bố cụ thể những gì người học sẽ có thể làm được bằng một số cách đo lường đánh giá

Các khái niệm và nguyên tắc chính của giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra:

1. Tập trung vào năng lực/chuẩn đầu ra
2. Thiết kế chương trình đảo ngược
3. Kiến tạo đồng bộ (Kiểm tra đánh giá– học tập chủ động – năng lực/CĐR)
4. Kiến tạo cơ hội học tập

Nantana Gajaseni, Oct 2018

Dịch chuyển Nguồn nhân lực chất lượng cao của ASEAN và Dịch vụ chuyên nghiệp

SOURCE: NANTANA GAJASENI, OCT 2018

Cơ hội: Thỏa thuận công nhận dịch vụ nghề nghiệp trong ASEAN

ASEAN đã đồng ý về các thỏa thuận công nhận lẫn nhau từ 2005

- Kỹ thuật
- Điều dưỡng
- Kiến trúc
- Khảo sát
- Y - dược học
- Nha sĩ
- Kế toán
- Du lịch

NANTANA GAJASENI, OCT 2018

MÔ HÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA ASEAN UNIVERSITY NETWORK-QUALITY ASSURANCE (AUN-QA)

KHUNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

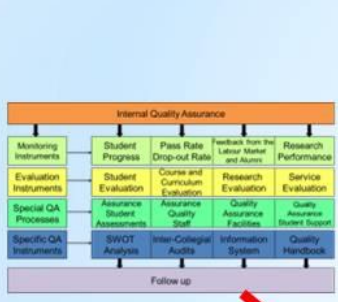

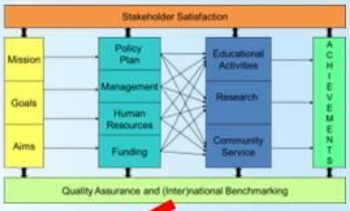

ĐBCL về mặt Chiến lược (CSGD)

ĐBCL về mặt Hệ thống (Hệ thống ĐBCL bên trong)

ĐBCL về mặt thực hiện chức năng (Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng)

KHUNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA AUN-QA (Ver.3.0)
1
Nhu cầu của các bên liên quan
1
Chuẩn đầu ra
2
Bản mô tả CTĐT
3
Nội dung và cấu trúc chương trình
4
Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
5
Đánh giá sinh viên
6
Chất lượng đội ngũ GV
7
Chất lượng đội ngũ CB hỗ trợ
8
Chất lượng và hoạt động hỗ trợ SV
9
Cơ sở vật chất và trang thiết bị
10
Nâng cao chất lượng
11
Kết quả đầu ra
11
Kết quả đạt được
11
Đảm bảo chất lượng và đối sánh trong nước và quốc tế

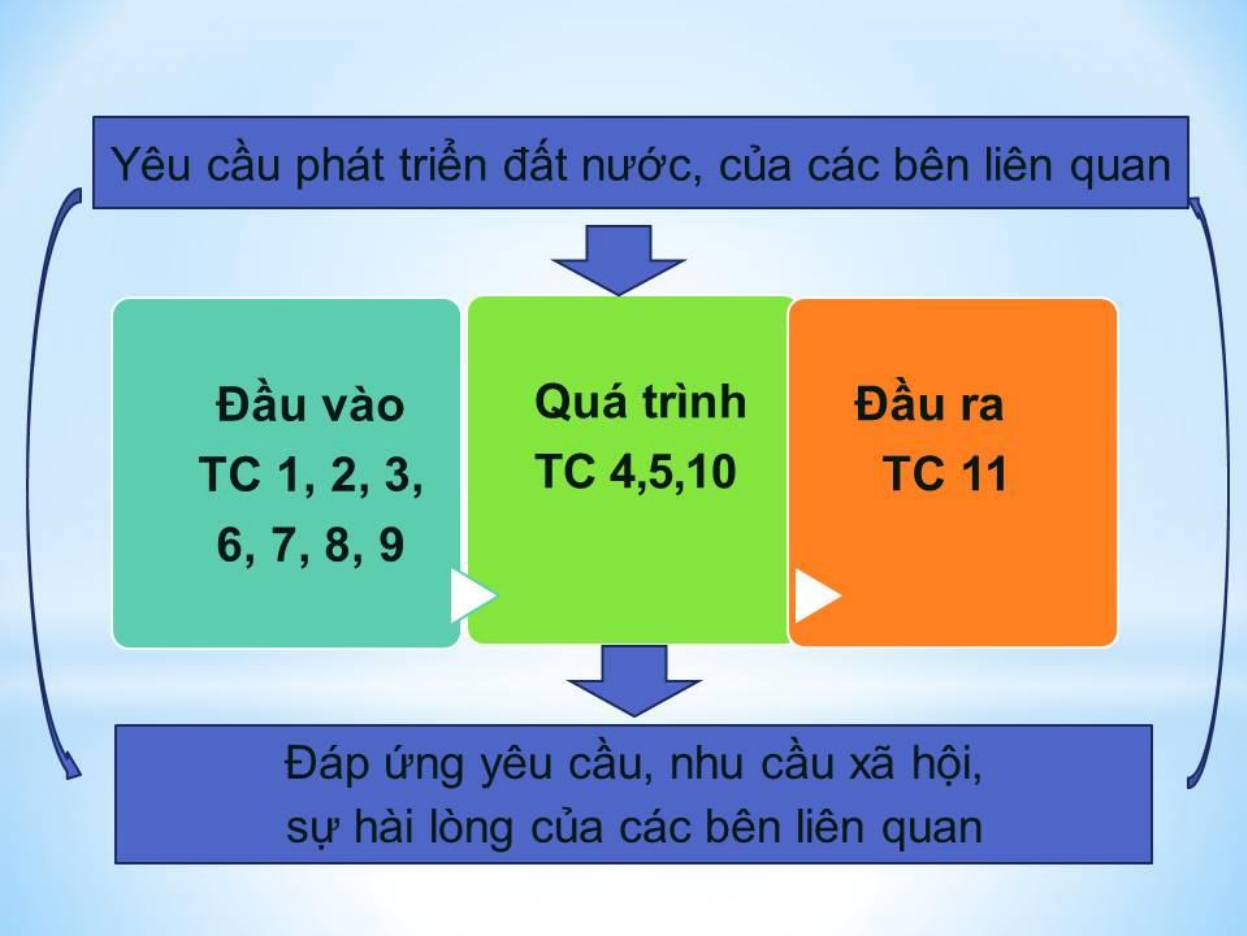
Yêu cầu phát triển đất nước, của các bên liên quan
Đầu vào
TC 1, 2, 3,
6, 7, 8, 9
Quá trình
TC 4,5,10
Đầu ra
TC 11
Đáp ứng yêu cầu, nhu cầu xã hội,
sự hài lòng của các bên liên quan

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN

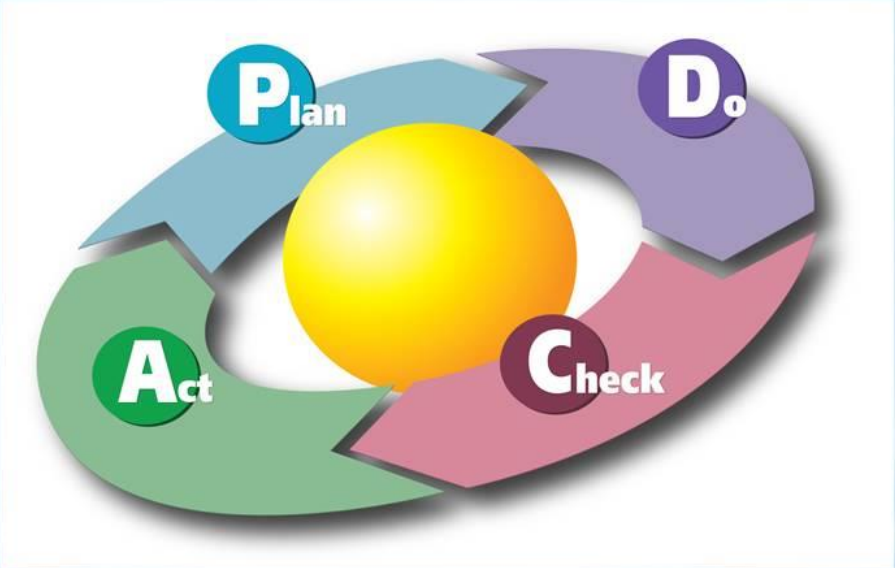

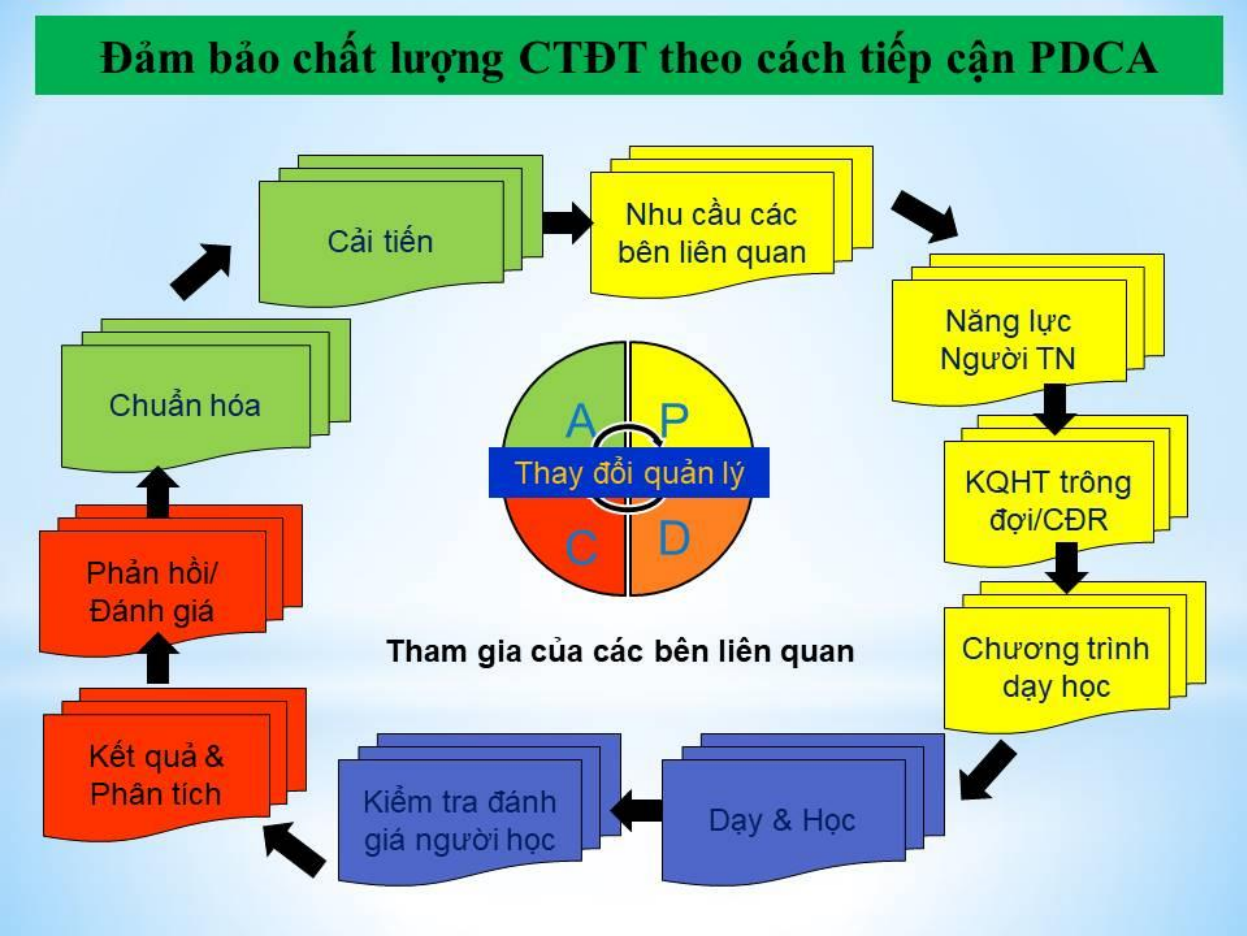
Đảm bảo chất lượng CTĐT theo cách tiếp cận PDCA
Cải tiến
Nhu cầu các bên liên quan
Năng lực Người TN
KQHT trông đợi/CĐR
Chương trình dạy học
Dạy & Học
Kiểm tra đánh giá người học
Kết quả & Phân tích
Phản hồi/ Đánh giá
Chuẩn hóa
A
P
C
D
Thay đổi quản lý
Tham gia của các bên liên quan

Tương thích định hướng (Constructive Alignment)

Chuẩn đầu ra - Chương trình dạy học - Hoạt động dạy học - Kiểm tra đánh giá

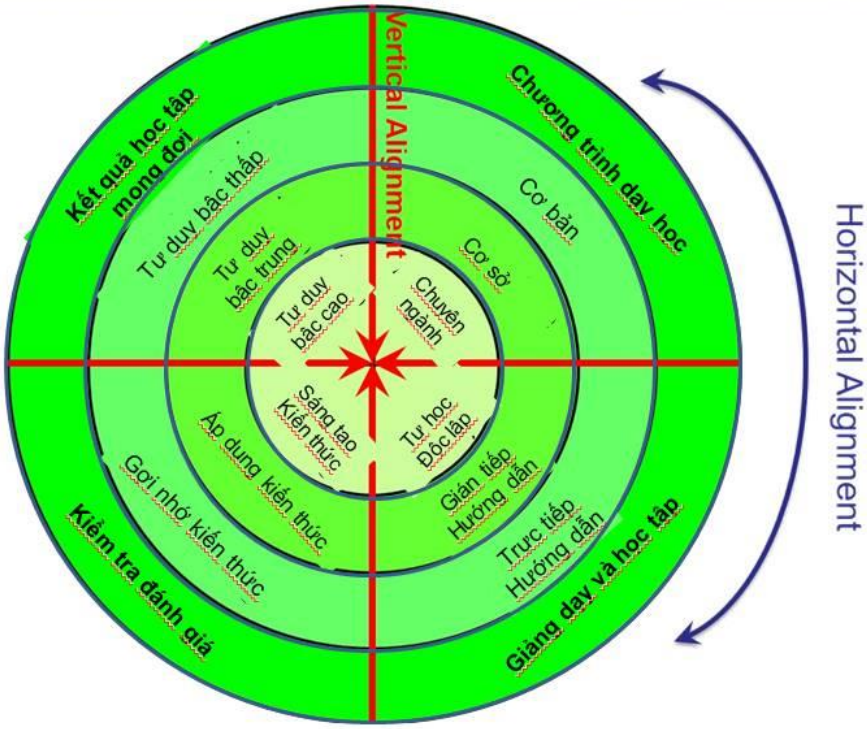

©Education Quality International

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016)

QUAN ĐIỂM VỀ CHẤT LƯỢNG (1/2)

* ***Chất lượng của CTĐT*** - Sự đáp ứng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục, Luật GDĐH và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành và xã hội"

* ***CTĐT của một ngành học (Program)*** - Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, PP và hoạt động đào tạo; điều kiện CSVC-KT, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật

* ***Chương trình dạy học (Curriculum)*** - Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể & CĐR đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, PPĐG và thời lượng đối với ngành học & mỗi học

QUAN ĐIỂM VỀ CHẤT LƯỢNG (2/2)

* ***Tiêu chuẩn*** - Mức độ yêu cầu về những nội dung, điều kiện mà CTĐT phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD.
* ***Tiêu chí*** - Mức độ yêu cầu, điều kiện cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.
* ***Đối sánh*** - Hoạt động đối chiếu, so sánh một CSGDĐH/CTĐT với bộ tiêu chuẩn ĐGCLGD hoặc với CSGDĐH/CTĐT khác được lựa chọn.
* ***Đánh giá chất lượng CTĐT*** - Thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động liên quan đến CTĐT (*Mục tiêu & CĐR; bản mô tả CTĐT; cấu trúc & nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá KQHT của người học; đội ngũ GV, NCV; đội ngũ nhân viên; người học & hoạt động hỗ trợ người học; CSVC&TTB; nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra*).

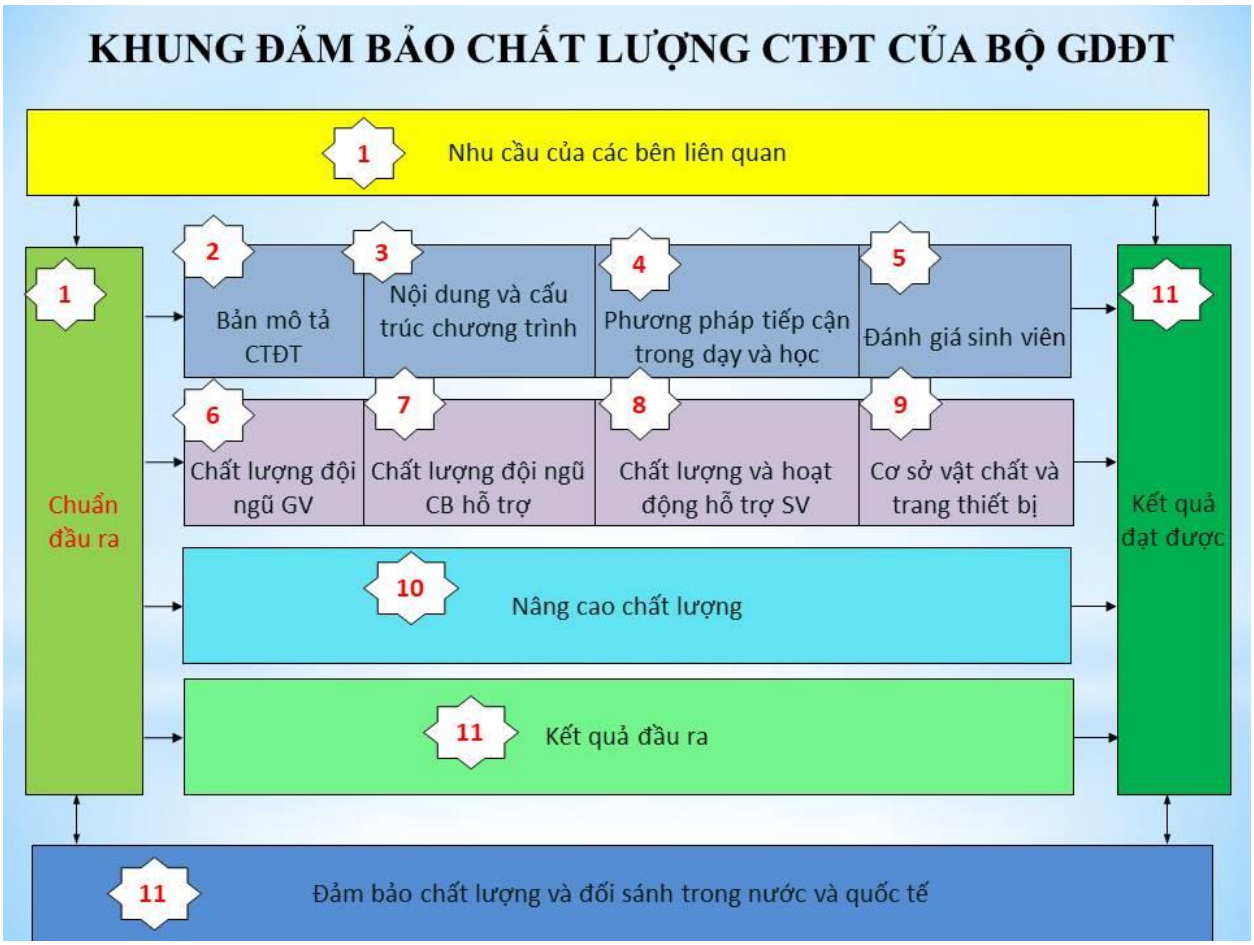
KHUNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CTĐT CỦA BỘ GDĐT
1
Nhu cầu của các bên liên quan
1
Chuẩn đầu ra
2
Bản mô tả CTĐT
3
Nội dung và cấu trúc chương trình
4
Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
5
Đánh giá sinh viên
6
Chất lượng đội ngũ GV
7
Chất lượng đội ngũ CB hỗ trợ
8
Chất lượng và hoạt động hỗ trợ SV
9
Cơ sở vật chất và trang thiết bị
10
Nâng cao chất lượng
11
Kết quả đầu ra
11
Kết quả đạt được
11
Đảm bảo chất lượng và đối sánh trong nước và quốc tế

TIÊU CHUẨN ĐGCL CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Tiêu chuẩn	Nội dung	Số tiêu chí
Tiêu chuẩn 1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3 tiêu chí
Tiêu chuẩn 2	Bản mô tả CTĐT	3 tiêu chí
Tiêu chuẩn 3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3 tiêu chí
Tiêu chuẩn 4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3 tiêu chí
Tiêu chuẩn 5	Đánh giá kết quả học tập của người học	5 tiêu chí
Tiêu chuẩn 6	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7 tiêu chí
Tiêu chuẩn 7	Đội ngũ nhân viên	5 tiêu chí
Tiêu chuẩn 8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5 tiêu chí
Tiêu chuẩn 9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5 tiêu chí
Tiêu chuẩn 10	Nâng cao chất lượng	6 tiêu chí
Tiêu chuẩn 11	Kết quả đầu ra	5 tiêu chí

MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC TIÊU CHÍ TRONG BỘ TIÊU CHUẨN THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT (1/2)

Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1.1 1.2 1.3	2.1 2.2	3.1 3.2	4.2 4.3	5.1 5.3	6.4				10.1 10.3	11.5
2	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2 3.3	4.2	5.1 5.2 5.3	6.4		8.4			11.5
3	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2 3.3	4.2 4.3	5.1 5.2 5.3	6.4				10.2 10.3	11.5
4	1.1 1.2	2.1 2.2	3.1 3.2	4.1 4.2 4.3	5.1	6.4		8.5	9.1 9.2 9.3 9.4	10.3	11.5
5	1.1 1.2	2.1 2.2 2.3	3.1 3.2	4.1 4.2	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5	6.4		8.3 8.4 8.5		10.3	11.5
6	1.1 1.2 1.3	2.3	3.1 3.2 3.3	4.1 4.2 4.3	5.1 5.2 5.3 5.4	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5 6.6 6.7		8.3 8.4	9.1 9.2 9.3 9.4	10.1 10.3 10.4 10.6	11.4 11.5

MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC TIÊU CHÍ TRONG BỘ TIÊU CHUẨN THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT (2/2)

Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7							7.1 7.2 7.3 7.4 7.5	8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.5 10.6	11.5
8		2.3		4.1 4.2 4.3	5.2 5.3 5.4 5.5	6.4	7.3 7.5	8.1 8.2 8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.3 10.4 10.5 10.6	11.4 11.6
9				4.2 4.3		6.7	7.1 7.2 7.3 7.4 7.5	8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.5 10.6	11.4 11.5
10	1.3		3.1 3.2 3.3	4.1 4.2 4.3	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5	6.7	7.3	8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.1 10.2 10.3 10.4 10.5 10.6	11.5
11	1.3	2.3	3.3	4.2 4.3	5.2 5.4 5.5	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5	7.2 7.3 7.4 7.5	8.3 8.4 8.5	9.1 9.2 9.3 9.4 9.5	10.5 10.6	11.1 11.2 11.3 11.4 11.5

PHÂN TÍCH NỘI HÀM
CỦA TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDĐH, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- *Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện*

(Thông tư 12/2017, ngày 19/5/2017)

Chuẩn đầu ra là gì???

CÁC THÀNH TỐ CỦA CHUẨN ĐẦU RA

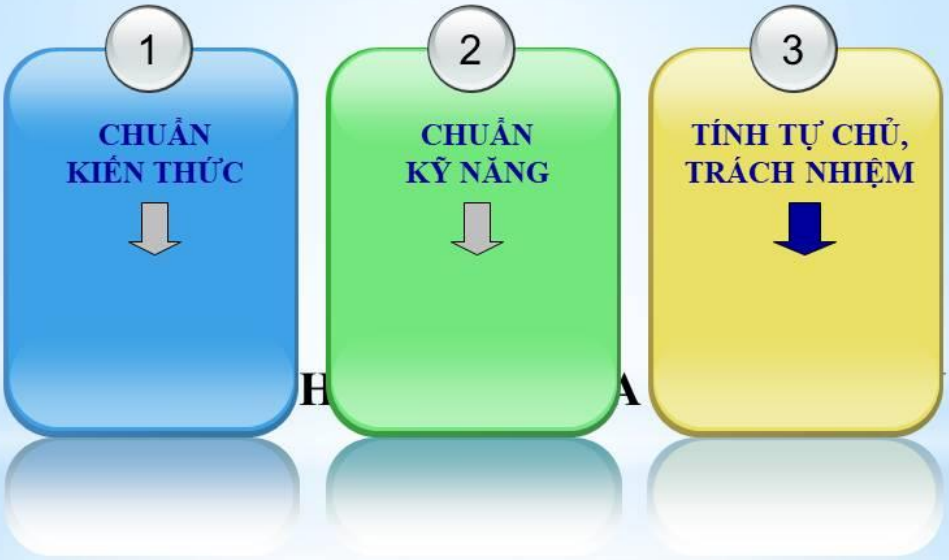

CÁC CẤP ĐỘ CHUẨN ĐẦU RA

Cấu trúc tích hợp cây chuẩn đầu ra

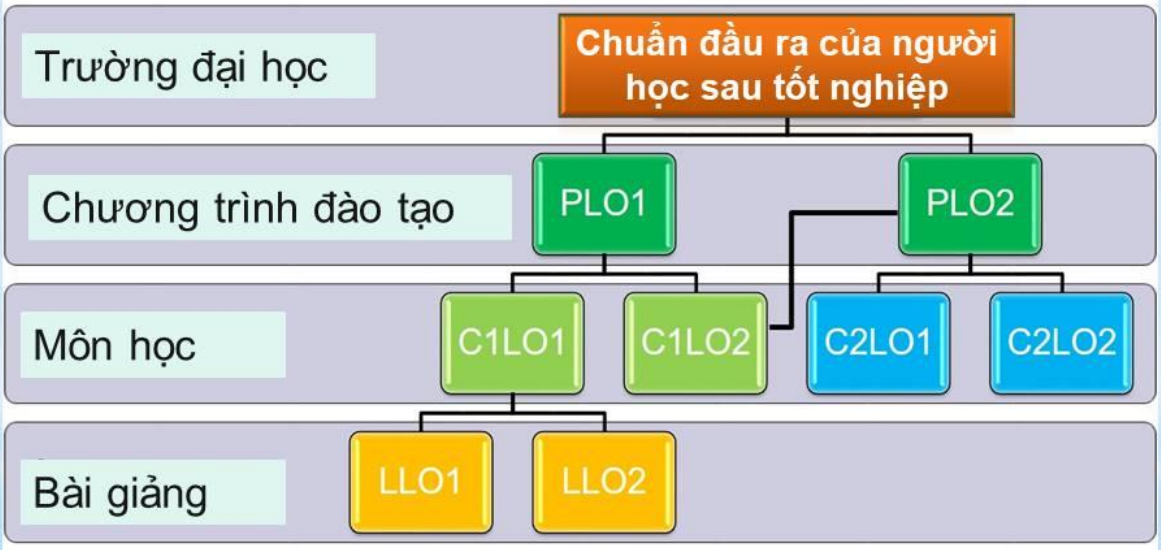

Chuẩn đầu ra theo mô hình cây

Nguyên tắc xây dựng chuẩn đầu ra

Các nguyên tắc khi viết chuẩn đầu ra **(SMART):**

- Phải rõ ràng, cụ thể (**S**pecific)
- Phải đo lường được (**M**easurable)
- Phải khả thi, có thể đạt được (**A**ttainable)
- Phải thực tiễn (**R**elevant)
- Phải xác định được thời gian hoàn thành (**T**ime-bound).

Cấu trúc của phát biểu chuẩn đầu ra**:** Là sự mô tả trạng thái mong muốn ở sinh viên gồm các thành phần chính :

- ✓ Hành vi (behaviour): Thể hiện bằng động từ phù hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ
- ✓ Nội dung (condition): Thể hiện qua danh từ liên quan mà sinh viên cần đạt được
- ✓ Cấp độ (degree): Thể hiện qua trạng từ bổ nghĩa.

Học tập: Nhận thức (Cognitive), Cảm xúc (Affective), Tâm vận động (Psychomotor)

Nhận thức (Benjamin Bloom, 1956)	**Nhận thức** (Anderson, 2001)	**Cảm xúc** (Krathwohl et al., 1964)	**Tâm vận động** (Dave, 1970)
Biết	Ghi nhớ	Tiếp nhận	Bắt chước
Hiểu	Hiểu		
Áp dụng	Áp dụng	Phản hồi	Vận dụng
Phân tích	Phân tích	Đưa ra thái độ	Chuẩn hóa
Tổng hợp	Đánh giá	Hình thành quan điểm	Liên kết kiến thức
Đánh giá	Tạo mới	Tiếp thu chủ động	Biểu hiện

https://thesecondprinciple.com/instructional-design/threedomainsoflearning/

Khung Trình độ quốc gia Việt Nam

(QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Bậc 6:

Xác nhận trình độ đào tạo của người học

- Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về KHXH, chính trị và pháp luật;
- Có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp;
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong ĐK làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành ĐT, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

Kiến thức:

- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo;
- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật;
- Kiến thức về CNTT đáp ứng yêu cầu công việc;
- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể;
- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

* Khung Trình độ quốc gia Việt Nam

(QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kỹ năng:

- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp;
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;
- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;
- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Mức tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Phát triển Chương trình dạy học từ CĐR CTĐT: Ma trận học phần/ Ma trận kỹ năng

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng							NL TCTN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	1
Triết học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	3	3
Kinh tế chính trị	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	3
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	2	2	3	3

9. Mã trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo.

STT	Học phần \ Yêu cầu	Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm				Phẩm chất
		P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16	P17	P18	P19
1	Triết học Mác Lê Nin	x								x			x			x			x	x
2	Kinh tế chính trị	x								x			x			x			x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x			x			x			x	x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x			x			x			x	x

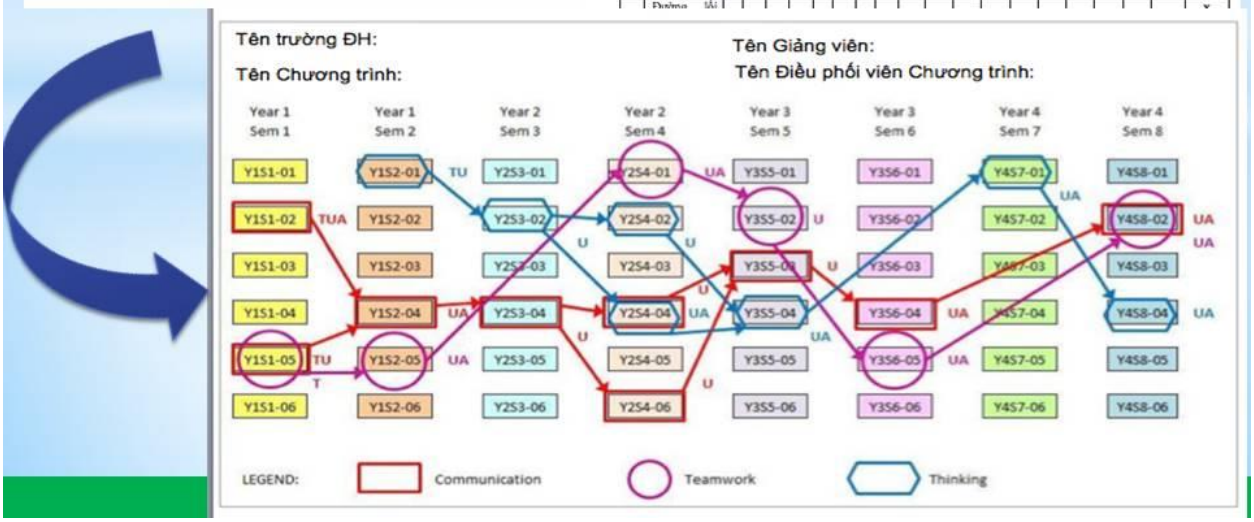

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Bản mô tả chương trình là gì?

- *Là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của nhà trường.*
- *Thường bao gồm các nội dung sau: Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khóa học; Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình; Các bản mô tả học phần.*

(Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017

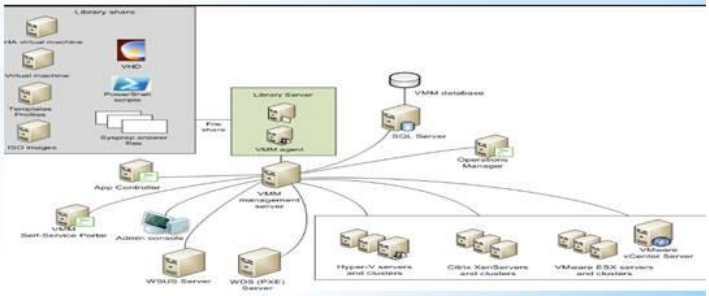

NỘI DUNG BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

- *Trường/cơ sở cấp bằng.*
- *Cơ sở đào tạo, giảng dạy (nếu không phải cơ sở cấp bằng).*
- *Thông tin chi tiết về các chứng nhận KĐCL được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền.*
- *Tên gọi của văn bằng.*
- *Tên CTĐT.*
- *Chuẩn đầu ra của CTĐT.*
- *Tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT.*
- *Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về đầu ra của CTĐT.*
- *Cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, học phần, số tín chỉ, ...*
- *Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.*
- .

NỘI DUNG BẢN ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

* *Tên gọi học phần/môn học*
* *Các yêu cầu của học phần/môn học đơn cử như điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, tín chỉ…*
* *Chuẩn đầu ra của học phần/môn học về kiến thức, kỹ năng và thái độ*
* *Các phương pháp dạy, học, và kiểm tra đánh giá giúp đạt được và trình diễn được các kết quả học tập của học phần/môn học*
* *Mô tả học phần/môn học và đề cương học phần/môn học*
* *Thông tin chi tiết về kiểm tra đánh giá người học*
* *Thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh đề cương học phần/môn học*

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.

3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

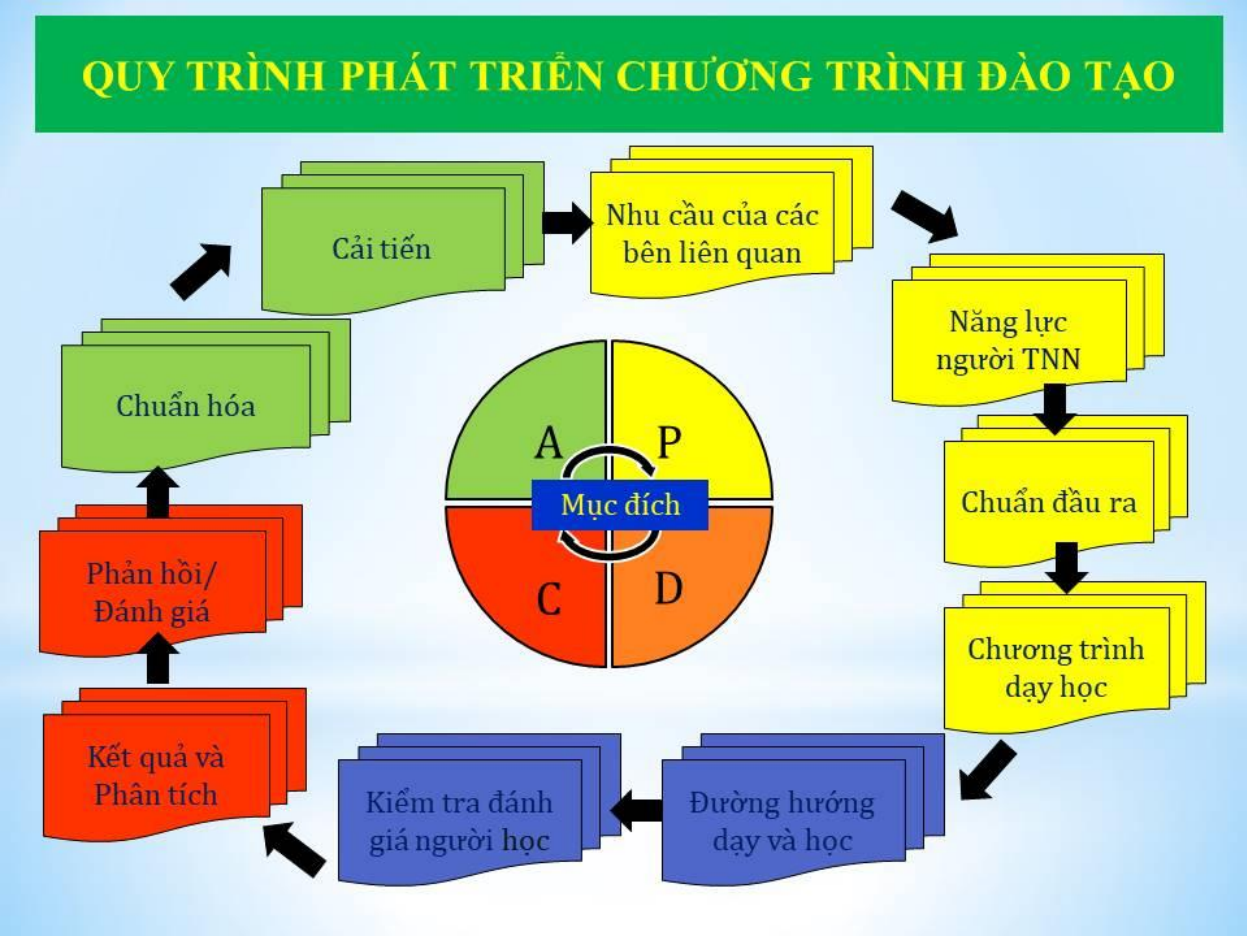
QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Cải tiến
Nhu cầu của các bên liên quan
Năng lực người TNN
Chuẩn đầu ra
Chương trình dạy học
Đường hướng dạy và học
Kiểm tra đánh giá người học
Kết quả và Phân tích
Phản hồi/ Đánh giá
Chuẩn hóa
A
P
C
D
Mục đích

Trình tự phát triển kỹ năng

Tên trường ĐH:

Tên Giảng viên:

Tên Chương trình:

Tên Điều phối viên Chương trình:

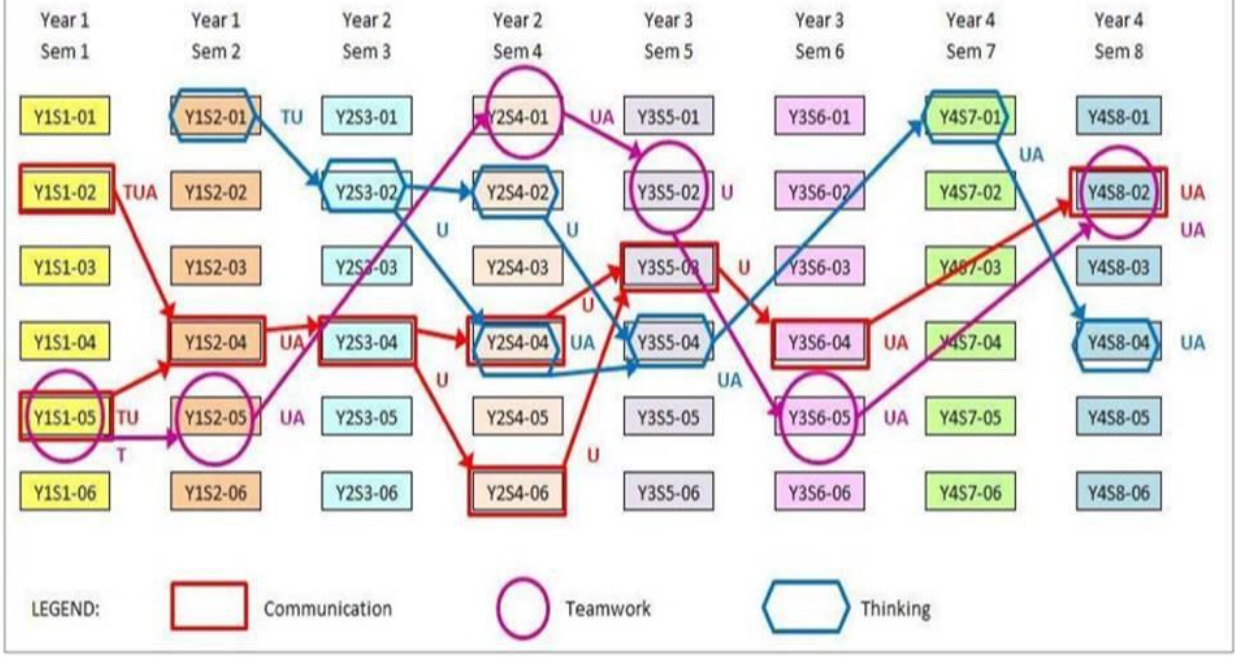

Cấu trúc 01 CTĐT (ví dụ)

Table 2.1 Curriculum clusters and credit number

STT	Cluster	Credit	
		Compulsory	Elective
I	Maths & Natural Sciences	31	-
II	General Knowledge	17	-
III	Supporting	9	-
IV	Engineering Fundermentals	42	-
V	Projects & Internships	15.5	12
VI	Proffessional Engineering	22	4.5
Total:		136.5	16.5

Table 2.2 Mapping between program clusters and PLOs

Clusters		Credit number	Weight	PLOs										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Maths & Natural Sciences	31	20.3%	H	H	H	M	-	-	L	H	-	H	H
II	General Knowledge	17	11.1%	-	L	-	M	-	-	-	H	-	H	H
III	Supporting	9	5.9%	-	-	-	-	H	-	M	-	H	H	M
IV	Engineering Fundermentals	42	27.4%	H	H	H	M	M	H	M	-	-	M	-
V	Projects, Internships & Graduation	27.5	18.0%	H	H	H	M	H	H	H	H	M	-	H
VI	Proffessional Engineering	26.5	17.3%	H	H	H	H	H	H	H	-	L	-	M
TOTAL		**153**	**100%**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**

Notes: H – High, M – Medium, L – Low

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng; nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Triết lý giáo dục là gì?

Một tập hợp các niềm tin ảnh hưởng tới phương pháp và nội dung giảng dạy của GV.
Nó trả lời cho các câu hỏi về:
mục tiêu của dạy học;
vai trò của GV;
và phương pháp và nội dung cần dạy cho người học .

CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC

Teaching/Learning Strategies

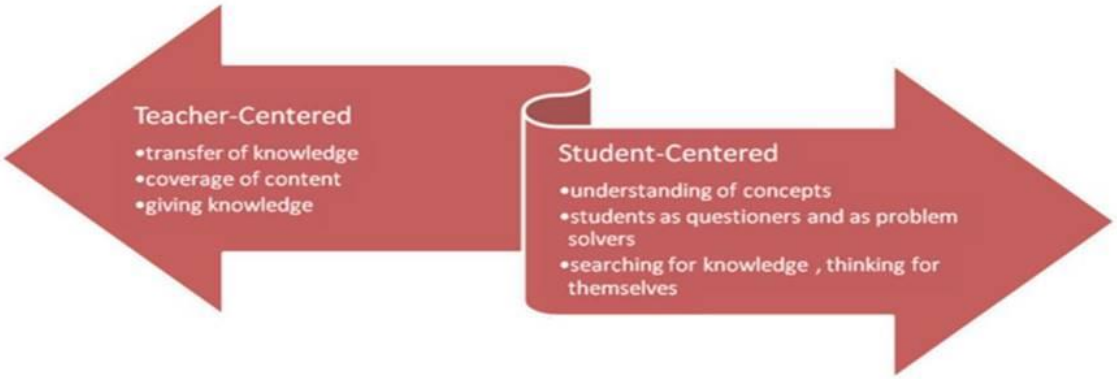

Source: http://toolbox2teach.wordpress.com/page/3/

Các trường đại học đã thay đổi đủ để bắt kịp những thách thức từ những thay đổi đột phá?
AUN-QA
A Touch of Quality
Chương trình học truyền thống
Chương trình nghiên cứu chuyển đổi
Chuyển giao kiến thức
Học tập lấy GV làm trung tâm
Học tập theo thời gian
Tập trung vào lớp học
Đánh giá kém đa dạng
Giới hạn thực tế
Thay đổi
Đồng sáng tạo, đồng sản xuất, đồng học hướng tới "Giáo dục 4.0" bằng cách sử dụng công nghệ đột phá để phát triển "Kỹ năng tương lai"
Cung cấp cho SV cách tiếp cận mới với:
Cập nhật / Hiện đại / Giáo trình linh hoạt
Ứng dụng CNTT trong học tập (trò chơi điện tử, MOOCs, Học tập kết hợp)
Kỹ năng học tập & kỹ năng tự học
Học tập cá nhân linh hoạt (nội dung, thời gian, địa điểm)
Kỹ năng phân tích, phản ứng, thích ứng, giải quyết vấn đề & quản lý
Kỹ năng khởi nghiệp
Kỹ năng mềm cần thiết cho thị trường việc làm đa dạng (kỹ năng học tập suốt đời)
Nantana Gajaseni, Oct 2018

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

5.1. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

MỐI QUAN HỆ
GIỮA CHUẨN ĐẦU RA – KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Đánh giá Sinh viên

- Kết quả đánh giá và phân tích
- Kế hoạch cải tiến

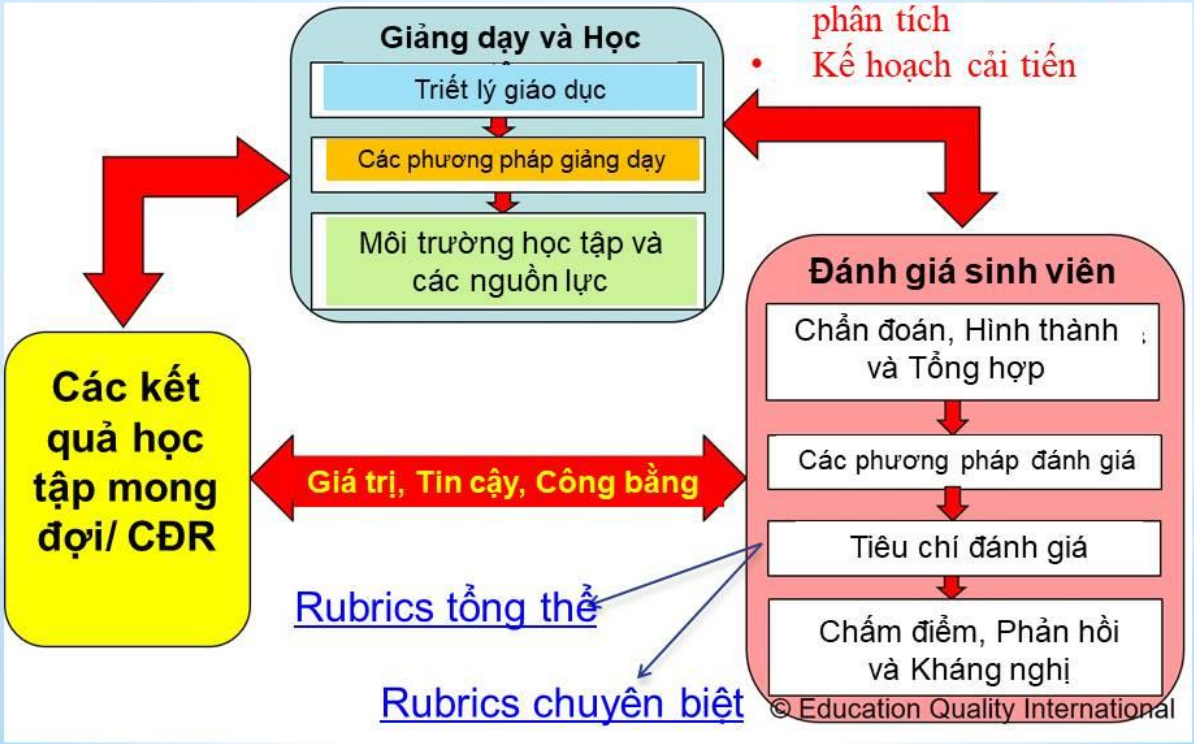

Student Assessment

Các thành phần của 1 Rubric

An example of a assessment rubric – criterion-referenced

Criteria	Skill Domains	Fail	Pass	Credit	Distinction	Higher Distinction
Introduction	5	0 – 49% (0 < 2.5)	50 – 59% (2.5 - <3)	60 – 69% (3 - <3.5)	70 – 79% (3.5 - <4)	80 – 100% (4 – 5)
	Knowledge and Understanding of Research Topic	Neither implicit nor explicit reference is made to the topic that is t be examine	The topic that is to be examined is	The topic is introduced, and the f the	The topic is well introduced, and the direction of the report is clear.	The topic is well introduced, and the direction of the report is very clear.
Findings	10	0 – 49% (<5)	50 – 59% (5 – <6)	60 – 69% (6 - <7)	70 – 79% (7 - <8)	80 – 100% (8 – 10)
	Thinking and Inquiry Skills	Insufficient and/or inappropriate research sources Ineffective organisation Material is interpreted with limited accuracy	Research sources are sufficient and appropriate Organisation of material is somehow effective Material is interpreted with so acc	Research sources are sufficient and appropriate Organisation of material is effective Material is interpreted	Research sources are abundant and appropriate Organisation of material is highly effective Material is interpreted with high uracy	Research sources are abundant and completely appropriate Organisation of material is highly effective Material is interpreted with very high accuracy

Performance

Criteria

Indicators

Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ GV và nghiên cứu viên

6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng & cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH & các hoạt động phục vụ cộng đồng.

6.2. Tỉ lệ GV/người học & khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH & các hoạt động phục vụ cộng đồng.

6.3. Các tiêu chí tuyển dụng & lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức & năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định & phổ biến công khai.

6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định & được đánh giá.

6.5. Nhu cầu về ĐT & phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định & có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

6.6. Việc quản trị theo KQ công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng & công nhận) được triển khai để tạo động lực & hỗ trợ cho ĐT, NCKH & các hoạt động phục vụ cộng đồng.

6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được xác lập, giám sát & đối sánh để cải tiến chất lượng.

Giải thích Tiêu chuẩn 6

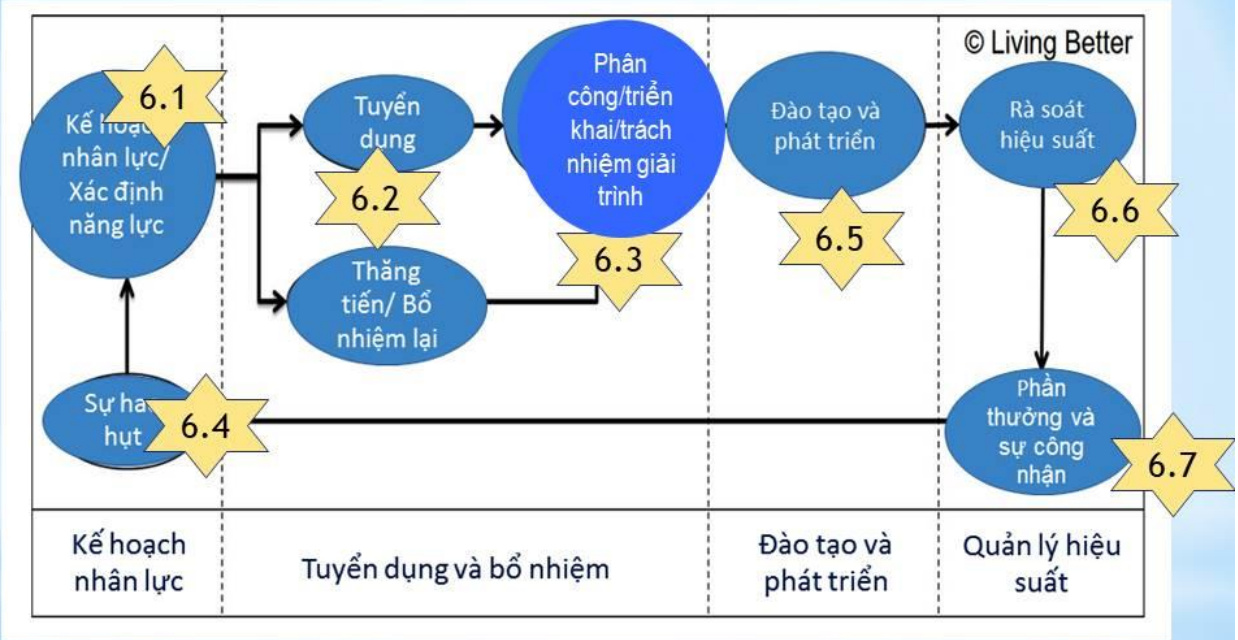

Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

7.4. Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

7.5. Việc quản trị theo KQ công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

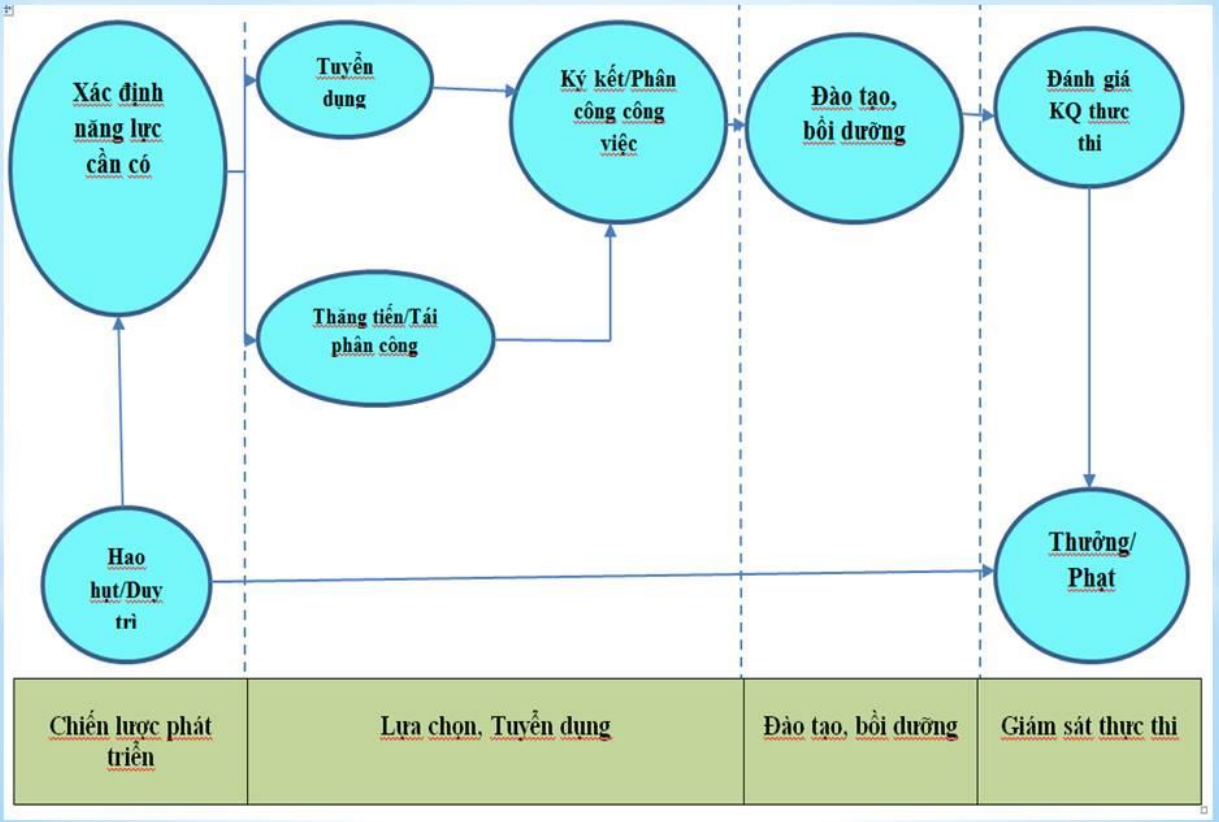

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học.

8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, NC và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Sơ đồ các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên

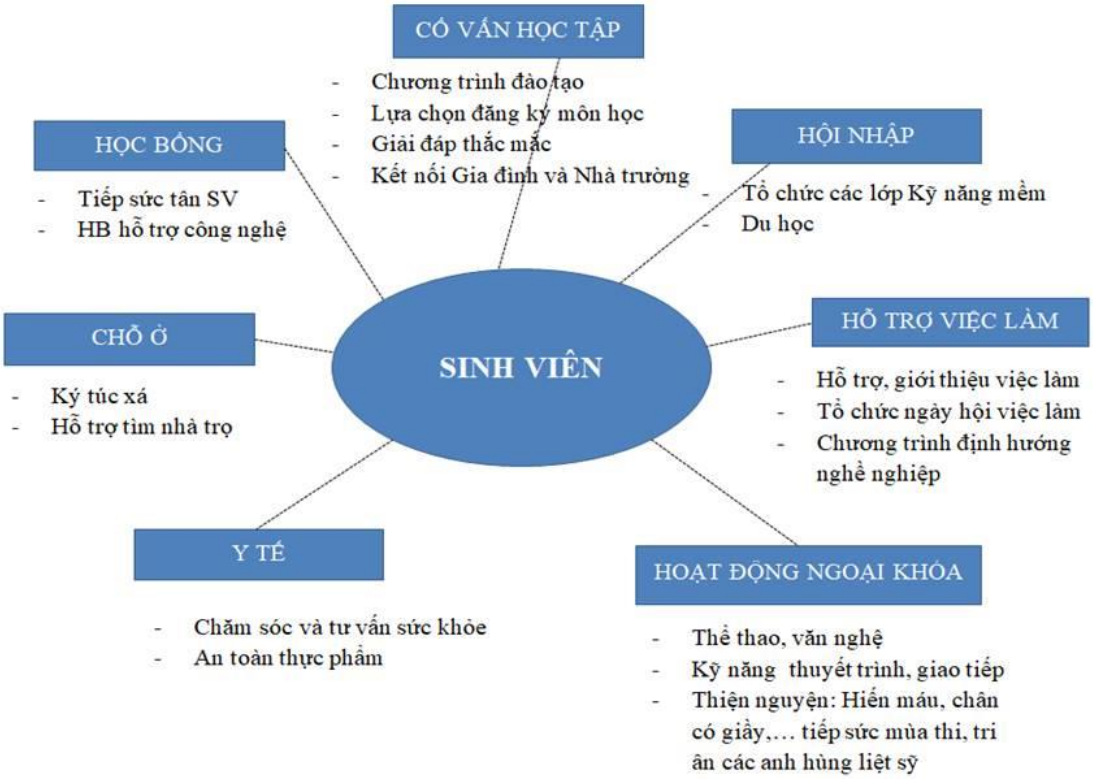

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NC.

9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NC.

9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NC.

9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NC.

9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

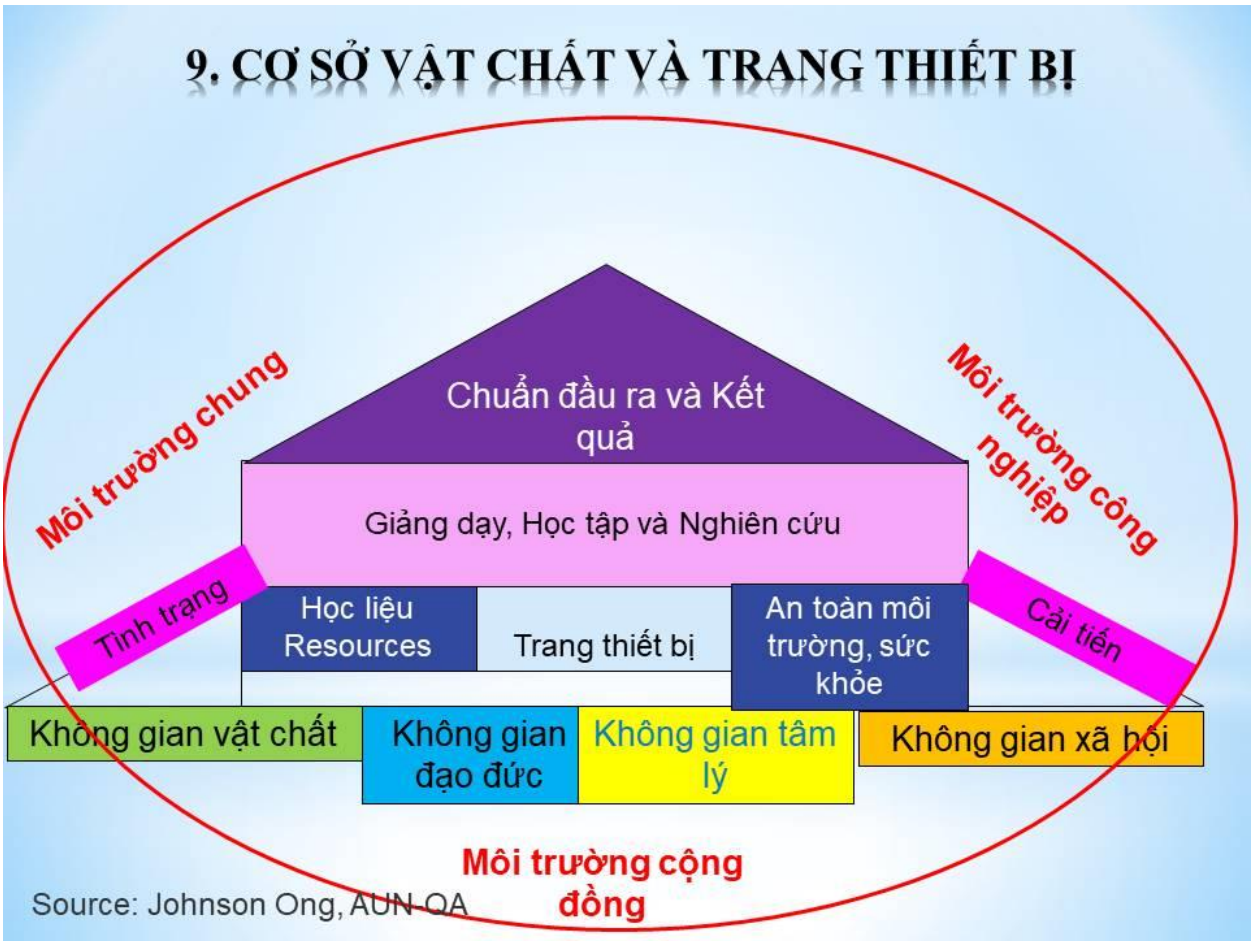

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG LIÊN TỤC

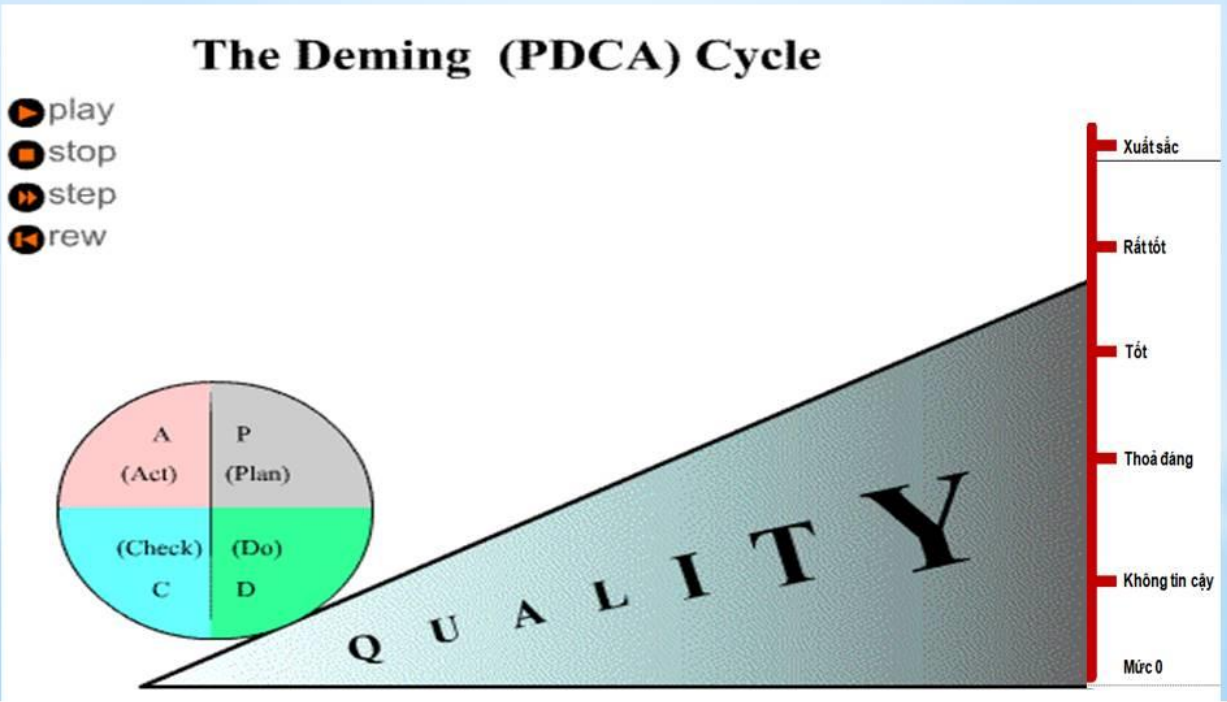

Quá trình học tập – learning process

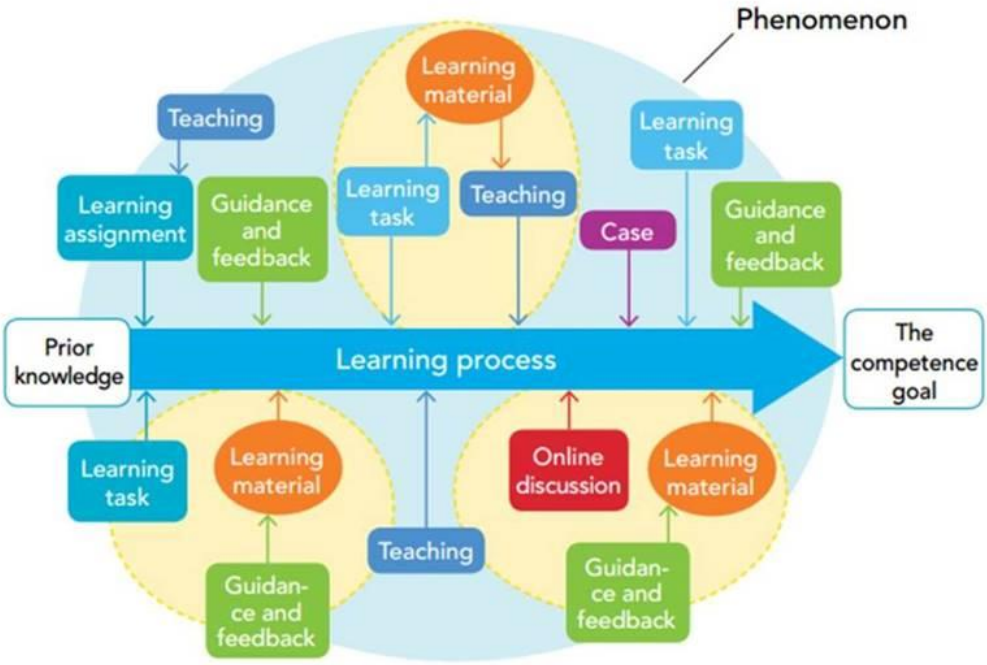

(Nguồn: Fp Education Quality International)

HỆ THỐNG THÔNG TIN PHẢN HỒI

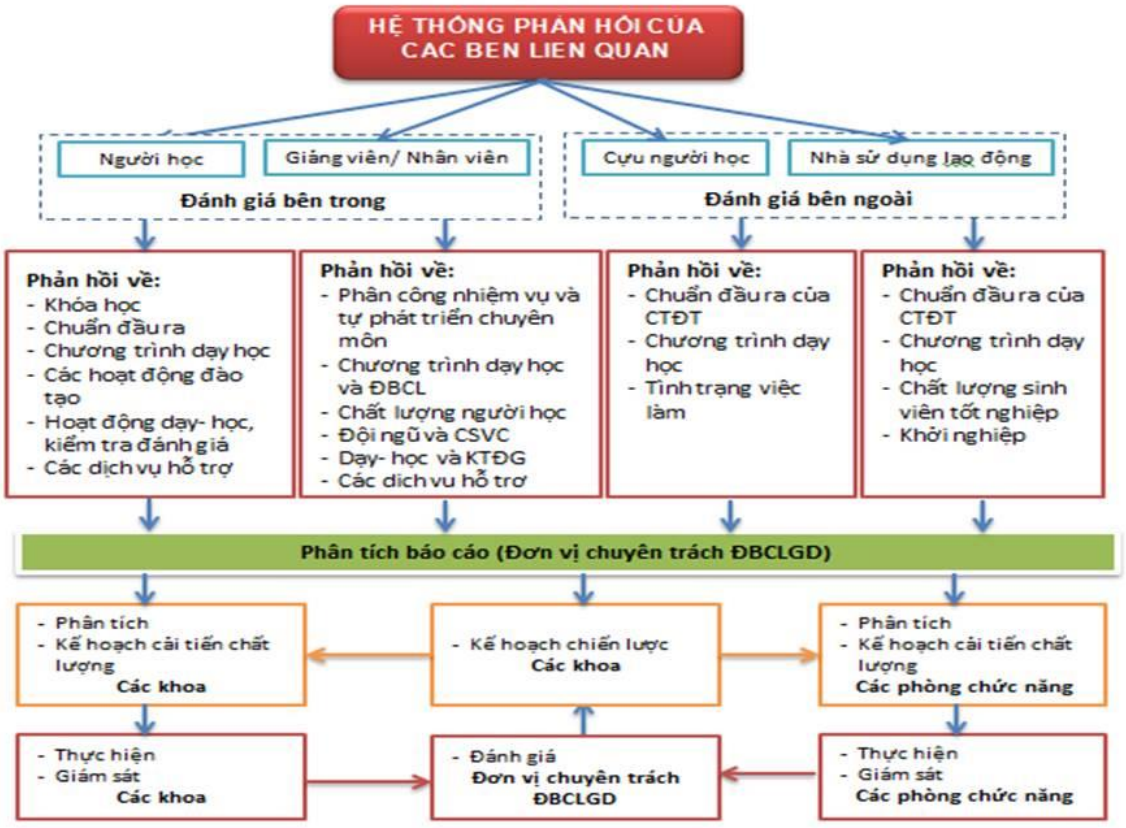

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

11. SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BỘ TIÊU CHUẨN ĐGCL CTĐT CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GDĐH

CV số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016
của Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Tiêu chí	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT
1.1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.
1.2	Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.
1.3	Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Giải thích

Giáo dục dựa trên đầu ra (Outcomes-based education-OBE) có thể được hiểu là phương thức tiếp cận, xây dựng và vận hành CTĐT dựa trên những kiến thức, kỹ năng mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp. OBE chú trọng vào các kết quả học tập, đảm bảo các kiến thức, kỹ năng và thái độ (bao gồm cả kỹ năng tư duy mà người học cần lĩnh hội) được xác định rõ ràng và thể hiện trong chuẩn đầu ra.

Chuẩn đầu ra là khởi điểm của quy trình thiết kế CTĐT và được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan. Chuẩn đầu ra thể hiện qua những thành quả mà người học đạt được thay vì mong đợi của giảng viên (thường được viết dưới dạng mục tiêu đào tạo của chương trình). Chuẩn đầu ra nên được viết theo cách để có thể quan sát, đo lường được và đánh giá được.

2. Các câu hỏi gợi ý

- Mục tiêu đào tạo của chương trình là gì?
- Chuẩn đầu ra của chương trình là gì?
- Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra thế nào?
- Chuẩn đầu ra có phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường, của khoa hay của bộ môn không?
- Chuẩn đầu ra của chương trình tương thích như thế nào với yêu cầu của thị trường lao động trong ngành nghề tương ứng đối với người học tốt nghiệp?
- Mức độ tương thích giữa nội dung CTĐT với yêu cầu của thị trường lao động?
- Triển vọng việc làm trong tương lai của người tốt nghiệp từ CTĐT có được nêu rõ hay không?
- Cách thức thông tin chuẩn đầu ra tới cán bộ, giảng viên (GV) và người học?
- Chuẩn đầu ra có thể đạt được và đo lường được không? Bằng cách nào?
- Mức độ đạt được chuẩn đầu ra?
- Chuẩn đầu ra có được định kỳ rà soát không?
- Chuẩn đầu ra được chuyển tải thành các yêu cầu cụ thể đối với người học tốt nghiệp như thế nào (kiến thức, kỹ năng và thái độ bao gồm cả kỹ năng tư duy)?

3. Nguồn minh chứng

- Bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần.
- Đề cương học phần, tài liệu quảng bá, các bản tin về khoá học.
- Ma trận các kỹ năng.
- Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan.
- Trang thông tin điện tử của trường và của khoa.
- Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình.
- Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

(Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo			
TC 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng. 2. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. 3. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng. 2. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. 3. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	- Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*. - Quyết định ban hành CTĐT*. - Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần*. - Ma trận kỹ năng*. - Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá*. - Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*. - Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa có đề cập đến CTĐT. - Các báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh.
TC 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH	1. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng. 2. CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn	1. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng. 2. CĐR của CTĐT phải nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.	- Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD. - Bản mô tả/đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần*. - Tài liệu quảng bá, các bản tin về CTĐT. - Ma trận kỹ năng*.

thank you
danke
謝謝
ngiyabonga
teşekkür ederim
gracias
спасибо
Баярлалаа
рахмат
dank je
tapadh leat
mochchakkeram
dziękuję
bedankt
obrigado
hvala
go raibh maith agat
sukriya
kop khun krap
terima kasih
grazie
arigatō
takk
dakujem
мерси
merci
ευχαριστώ
ありがとう
감사합니다
sagolun
CẢM
ƠN